Vĩnh Gia Đại Sư Chứng Đạo Ca Thiển Thích

H.T. Tuyên Hóa

Giảng Tại chùa Kim Luân, Los Angeles tháng 2, 1985

Nguồn

http://www.thuvienhoasen.org

Chuyển sang ebook 20-7-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org

Hôm nay tôi đến thành phố Los Angeles chủ đích là muốn xem quý Phật tử nghe giảng kinh hiểu biết như thế nào, có tiến bộ hoặc nhận thức gì trong việc học Phật pháp hay không, đồng thời tôi cũng muốn nghe lại những băng giảng kinh mà tôi đã giảng trên 10 năm qua. Quý Phật tử không nên sanh tâm chấp trước nói rằng thầy trụ trì về đây không thuyết pháp cho Phật tử nghe; kỳ thực hằng ngày tôi đều thuyết pháp. Cũng tại nơi đây lúc trước có đặt một chiếc máy ghi âm; lúc đó tôi còn trẻ, tinh thần có hơi sung túc, do đó tôi giảng hay hơn bây giờ. Quý Phật tử muốn nghe giảng thì bất cứ lúc nào trong ngày đều có thể đến nơi đây nghe, không cần đợi tôi đến mới nghe. Lúc đó giọng nói của tôi tốt hơn, đạo lý tôi giảng cũng khá hơn, chẳng qua quý Phật tử vẫn còn cái tâm tham quá to, muốn nghe đích thân tôi giảng. Bây giờ tôi đang lo liệu thủ tục để hưu trí, quý Phật tử nên tự lập lấy, nên biết tự mình đi ra hoằng dương Phật pháp ra sao.

"Vĩnh Gia Đại Sư Chứng Đạo Ca Thiển Thích" là một quyển "Chứng Đạo Ca" do một vị tổ sư Trung Quốc trước tác. Ngài tên là Huyền Giác, gốc gác tại Vĩnh Gia. Vĩnh Gia là một huyện của tỉnh Ôn Châu, Trung Quốc (nay là tỉnh Triết Giang). Giống như tỉnh Phước Châu, tỉnh Ninh Ba, tỉnh Quảng Đông, tỉnh Ôn Châu có thổ ngữ riêng biệt của nó; dân từ nơi khác không dễ gì hiểu được thổ ngữ này. Ngôn ngữ Trung Quốc không thống nhứt, ngôn ngữ và phát âm của mỗi địa phương đều khác nhau.

Lúc ngài Vĩnh Gia lên bốn tuổi, cha mẹ gởi ngài vào chùa xuất gia. Sau khi xuất gia ngài có cơ may đọc rất nhiều sách vở. Vì chỉ mới có bốn tuổi mà đã xuất gia, chùa mới đặc biệt thỉnh một vị thầy đến dạy ngài học, do đó ngài có một cơ sở học vấn vô cùng vững chắc. Với một học vấn uyên thâm, và một mặt rất cố gắng tu đạo nên ngài khai ngộ. Khai ngộ rồi, ngài chẳng muốn một mình ngồi an hưởng cái lợi ích này, do đó ngài bèn viết ra quyển "Chứng Đạo Ca" khai thị hậu thế giúp người đời sau hiểu ra phương cách tu hành, nhận thức chánh pháp một cách chân chánh.

Ngài Vĩnh Gia nghe nói tại Suối Tào Khê có Ngài Lục Tổ Đại Sư, Nam Hoa Tự, thừa mệnh của Phật Thích Ca dùng tâm ấn tâm, khẩn thiết giáo hóa, miệng truyền thụ tâm liền hội, và như thế mà truyền xuống Y Bát Tâm Pháp. Do đó ngài không nề hà đường xa ngàn dặm đến gặp Lục Tổ Đại Sư thỉnh cầu ấn chứng cái sở kiến của mình.

Lúc ngài tới Nam Hoa Tự thì Lục Tổ Đại Sư đang đăng đường thuyết pháp. Ngài Vĩnh Gia bèn mặc áo bào, đắp y tay cầm tích trượng, hướng về pháp tòa đi nhiễu về bên hữu ba vòng, rồi dừng bước đứng ngay trước mặt Lục Tổ, khí thế oai nghi rống to một tiếng, cũng không cúi đầu đảnh lễ chi cả.

Lục Tổ Đại Sư nói: "Người xuất gia gọi là sa môn, sa môn thì phải có lễ độ, lễ nghi thì ba trăm, oai nghi có ba ngàn. Ông đến đây làm gì? Cử chỉ ồn ào, một tí lễ mạo gì cũng chẳng có?"

Vĩnh Gia Đại Sư nói: "Sanh tử là việc lớn, vô thường nhanh chóng." Ý muốn nói rằng dụng công là việc khẩn thiết, nào có đủ thời giờ để hành lễ? Nào còn đủ thời gian để ý đến chi tiết nhỏ nhen như thế? Chẳng có thời gian nói đến ba trăm lễ nghi, tám ngàn oai nghi. Chỉ vì việc sanh tử so với bất cứ việc gì khác thì rất trọng đại, quỷ vô thường chẳng biết lúc nào đến, thì tôi nào còn đâu thời giờ nghĩ đến hành lễ ư?

Lục Tổ Đại Sư nói: "Hà bất thể thủ vô sanh, liễu vô tốc hồ?" rằng tại sao ông lại không nghiên cứu cái pháp vô sanh? Không tìm hiểu minh bạch cái đạo lý về vô thường tấn tốc?

Vĩnh Gia Đại Sư nói: "Thể tức vô sanh, liễu bổn vô tốc." Ý muốn nói rằng Tổ khỏi cần nói chi đến nghiên cứu, nghiên cứu thì không có cái nào sanh tử, minh bạch thì lại cũng chả có cái nào mau chậm, không có cái nào vô thường."

Lục Tổ Đại Sư nói: "Ông tuy nói không có vô sanh không có vô tốc, vậy ai phân biệt?" Ý nói ai có ý nghĩ phân biệt như vậy?

Vĩnh Gia Đại Sư nói: "Phân biệt cũng chẳng có một tâm niệm gì cả."

Lục Tổ Đại Sư liền ấn chứng cho Ngài nói rằng: "Như thị! Như thị!"

Vĩnh Gia Đại Sư nghe đã được Lục Tổ ấn chứng liền dùng đủ lễ hướng về Lục Tổ đảnh lễ tạ pháp, đứng dậy cáo từ.

Thấy ngài đến mà chỉ nói đôi ba câu rồi kiếu từ, Lục Tổ Đại Sư nói: "Tại sao ông vội vã ra về?"

Vĩnh Gia Đại Sư trả lời: "Bổn tự phi động, khởi hữu tốc da?" Nghĩa là bản chất chẳng có tới, chẳng có đi, vậy nào có gì mau hay chậm?"

Lục Tổ Đại Sư nói: "Ông thực đạt được ý vô sanh rồi."

Vĩnh Gia Đại Sư nói: "Vô sanh khởi hữu ý da?" Nghĩa là nói vô sanh thì làm gì còn có ý hay không ý?"

Lục Tổ Đại Sư nói: "Không có ý, vậy ai phân biệt?" Nghĩa rằng vậy chớ ai hiện ở tại đây phân biệt.

Vĩnh Gia Đại Sư nói: "Phân biệt cũng không có ý."

Lục Tổ Đại Sư nói: "Ông được rồi, nhưng hãy khoan vội về."

Lúc đó Vĩnh Gia Đại Sư mới thực sự hiểu rõ ngài được Lục Tổ Đại Sư ấn chứng, bèn ở lại nghỉ tại Nam Hoa Tự một đêm, vì vậy nhiều người gọi đó là "Nhất túc giác", nghĩa là tá túc một đêm mà khai ngộ. Đó là việc Vĩnh Gia Đại Sư bái kiến Lục Tổ, và là câu chuyện Ngài được Lục Tổ ấn chứng.

Sau này có kẻ phá quấy nói rằng "Chứng Đạo Ca" do Hà Trạch (Thần Hội) trước tác. Quý Phật tử xem Vĩnh Gia Đại Sư và Hà Trạch Đại Sư đều là hai vị trong quá khứ, nhưng hai ngài nào có bao giờ đính chánh rằng tác phẩm này do chính tay tôi sáng tác, không phải của ông, từ xưa hai vị này chẳng bao giờ tranh cãi, người đời sau quá lắm chuyện, bóp méo sự thật, lấy mũ ông A chụp lên đầu ông B, tạo ra lắm phiền não. Thực ra tác phẩm "Chứng Đạo Ca" do Vĩnh Gia Đại Sư trước tác, chỉ vì người xưa trước tác ít khi lưu danh, người đời sau bới lông tìm vết, cố ý quấy phá để nghe chơi cho vui, rêu rao đó là tác phẩm của Hà Trạch. Vào thời đó đạo đức, học vấn của Vĩnh Gia Đại Sư ít người bì kịp, trí tuệ và biện tài của ngài có một không hai, do đó tác phẩm Chứng Đạo Ca của ngài rất là tuyệt diệu, vừa đơn giản lại vừa rỏ ràng, khiến ai đọc qua liền phát sanh bồ đề tâm, ngọn đèn trí huệ bừng sáng.

Lúc đến Hoa Kỳ, trước tiên tôi giảng Kinh Kim Cang, nhưng không có ghi chép hoặc chú giải . Thời đó thính giả toàn là Hoa Kiều, nghe rồi thì xong chuyện. Sau đó tôi giảng Tâm Kinh, mỗi tuần lễ giảng một câu, hoặc một đoạn ba câu, mỗi đoạn tôi chú giải bằng tám câu kệ tụng, gọi là Bát Nhã Ba

La Mật Đa Tâm Kinh Phi Đài Tụng Giải. Lúc đó mỗi tuần tôi giảng một thời, vì ở Mỹ hằng ngày ai cũng bận việc không thể đến nghe. Chỗ tôi ở là căn hầm nhà, đất ẩm thấp, trừ cửa chính, không cửa sổ nên chẳng ánh sáng lọt vào, cũng chẳng thấy đặng mặt trời mặt trăng gì cả. Chính ở đây tôi đã giảng Kinh Kim Cang. Sau đó khi dời đến đường Waverly, tôi đã giảng Tâm Kinh. Tiếp theo tôi giảng Vĩnh Gia Đại Sư Chứng Đạo Ca, dùng thể văn viết chú thích, rồi dựa vào đó giảng giải. Sau này có người ghi chép lại, lấy tên là Vĩnh Gia Đại Sư Chứng Đạo Ca Thuyên Giải. Các bạn muốn biết thuở xưa tôi giảng pháp ra sao thì hãy đọc quyển Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh Phi Đài Tụng Giải, và cũng nên nghiên cứu thêm quyển Vĩnh Gia Đại Sư Chứng Đạo Ca Thuyên Giải.

Nói đến Chứng Đạo Ca, thì tôi vô cùng mến chuộng tác phẩm này ngay khi bắt đầu nghiên cứu Phật Pháp. Tôi đã đọc nó đến độ thuộc làu. Vì quá yêu thích nó, nên sau khi đến Mỹ tôi chọn nó làm đề tài thuyết pháp thứ ba. Tôi nghĩ rằng ở Los Angeles có rất nhiều thanh niên học sinh, nên việc nghiên cứu Chứng Đạo Ca rất thích hợp. Ngày nay có người thỉnh tôi giảng kinh, thì đúng là hại tấm thân già này! Những cuốn băng ghi bài tôi giảng xưa kia hay hơn lời tôi giảng bây giờ nhiều lắm. Lúc xưa tinh thần sung mãn, thân thể không đau yếu như hiện nay; lúc giảng thì chẳng chút ủy mị yếu ớt, mà đầy dẫy nghị lực, đầy khí phách, đầy sáng tạo, khiến người nghe chẳng buồn ngủ. Vậy sao các bạn lại muốn tôi giảng nữa ? Một khi đã có băng, thì tôi có thể làm biếng được rồi. Ai ngờ các vị đệ tử chẳng chịu buông tha, cứ lại bắt tôi giảng. Hôm nay ngồi nơi giảng toà, linh cảm máy động, tôi nghĩ rằng giảng lại Chứng Đạo Ca cũng rất tốt. Đại chúng nghe rồi, nếu học ngâm bài Chứng Đạo Ca này cho kẻ khác nghe, sẽ giúp họ mau đặng khai ngộ.

Đại Sư nghĩa là gì? Đại: là vĩ đại, là to lớn, vì Ngài là bậc mô phạm giáo hóa chúng sinh trong tam giới. Sư: là thầy, tức Ngài là thầy của hàng trời người. Lại nữa Ngài lấy pháp làm thầy; Ngài noi theo tất cả phật pháp, như noi theo một người thầy vậy. Và vì Ngài lại lấy pháp bố thí cho người đời, cho tất cả chúng sanh, nên Ngài mới được gọi là Sư, hay Thầy. Sư nói lên cái khuôn mẫu, mô phạm, hay tiêu chuẩn mà mình nên bắt chước.

Vị đại sư này xuất gia lúc lên bốn tuổi, mỗi giờ mỗi khắc nổ lực tu hành, tầm sư học đạo, do đó trong Chứng Đạo Ca có đoạn như sau:

Du sơn hải thiệp sơn xuyên.
Tầm sư phỏng đạo vi tham thiền.

Tự tùng nhận đắc Tào khê lộ.
Liễu tri sanh tử bất tương quan.

Du sơn hải là đi mọi nơi tìm Thiện tri thức để học hỏi; Thiệp sơn xuyên là trèo non vượt ải qua chốn sông to núi lớn để tầm sư học đạo, tìm bạn bè để cầu minh triết, tìm Thiện tri thức, cầu kẻ có Minh Nhãn để điểm đạo, do đó mà Tầm sư phỏng đạo vi tham thiền, không ngoài mục đích liễu sanh tử nên cầu học pháp môn tham thiền. Tự tùng nhận đắc Tào Khê lộ là từ khi Ngài hiểu rõ Tào Khê con đường hướng thượng, và sau rốt là đắc pháp tâm ấn, rồi liễu tri sanh tử bất tương quan, là Ngài liền thấu triệt chuyện sanh tử, không còn chút gì thắc mắc nữa.

Chứng: là chứng đắc, chứng minh cái gì đó, như chứng minh đạo có thể chứng, có thể tu, có thể hành. Chứng cũng là ấn chứng, tức là chứng cứ.

Ấn chứng: người tu đạo tự mình đã khai ngộ rồi, không thể tự mình ấn chứng, y phải cần tìm một vị cao tăng đạo hạnh sâu dày, một bậc đại Thiện tri thức, một vị đã giác ngộ đến ấn chứng cho mình, thì sự chứng minh này mới đúng. Không thể tự xưng là ta đã khai ngộ rồi, ta chứng quả rồi, như vậy là: chưa chứng đã nói chứng, chưa đắc đã nói đắc. Trong đạo Phật chưa đạt tới trí huệ chân chánh mà nói rằng mình đã đạt được rồi thì kể như phạm tội đại vọng ngữ, nhất định bị đọa xuống địa ngục rút lưỡi. Do đó không thể tự mình xưng là Tổ sư, mà phải cần đến một bậc minh nhãn Thiện tri thức ấn chứng thì mới thành Tổ được.

Đạo: Ông Hàn Dũ nói chí lý rằng: "Do đây mà đến đó gọi là đạo," đạo là con đường từ nơi này đến một nơi khác, nhưng ông chỉ rõ đường lộ, nay chúng ta đề cập đến đạo là con đường tu hành. Tu đạo thì phải tu từ bên trong, chẳng phải tu ở bên ngoài, rằng "nội thánh thì ngoại vương," nghĩa là bên trong có sự thông minh, trí tuệ của Thánh nhơn, bên ngoài ta mới có thể giáo hóa chúng sanh. Trung Quốc có ông Thương Hiệt là vị Bồ Tát hóa sanh chuyên tạo chữ. Vì cớ gì ông có thể tạo chữ? Vì ông có Thiên Nhãn Thông. Do vậy, chữ Tàu tạo ra phần nhiều là tượng hình. Tượng hình nghĩa là chữ và hình phù hợp với nhau. Thí dụ chữ Đạo (). Phía trên có hai chấm, một chấm tượng trưng cho số âm và một tượng trưng cho số dương. Nếu từ hai chấm này nối lại thành hai phết thì thành chữ Nhơn (); nếu hai phết không dính lại thì đó là chữ Bát (); nhưng một phết ngắn một phết dài biến thành chữ Nhập(). Vừa qua chúng ta thấy hai cái chấm trên đầu chữ Đạo mang nhiều biến đổi. Như trên đã nói hai chấm trên đầu chữ Đạo thể hiện âm dương, cũng là thể hiện cho Nhơn (); chữ Nhơn tách ra thành một âm một

dương. Dưới hai chấm lại có một chữ Nhứt (). Chữ Nhứt do đâu ra? Phải chăng chữ Nhứt thêm vào chẳng có duyên cớ gì?

Chữ Nhứt () là số không (0) mà ra, số không (0) bẻ gãy rồi kéo thẳng ra thì biến thành chữ Nhứt (). Hai chấm phía trên có thể là từ số không (0) bẻ làm đôi biến thành một âm một dương; như vậy chữ Nhứt () có cả âm lẫn dương, biến hóa từ số không (0) mà ra. Tiếp theo chữ Tự () (là mình, là ta) được thêm vào, ám chỉ sự tu đạo là do chính mình. Nếu chữ Tự cùng hai chấm và một gạch hợp lại thì ra chữ Thủ (); Thủ (đầu tiên, đứng đầu) tức là việc trọng đại trong đời mình. Thủ là đầu: giống như cái đầu, việc quan trọng nhứt là liễu sanh thoát tử. Liễu sanh thoát tử do nơi chính mình mà không phải đi tìm kiếm bên ngoài chẳng phải hướng ngoại tìm cầu, do đó tự mình phải chăm tu hành. Một bên và phía dưới chữ Thủ () thêm chữ Tẩu (là đi) (), hợp nhau lại thành chữ Đạo (). Đạo cần phải tu hành, hễ tu thì phải thực hành; do đó người ta mới ghép chữ Tẩu một bên. Đó là đại khái ý nghĩa của chữ Đạo.

Phía trên chữ Đạo có hai chấm thể hiện lý âm dương mà cũng ám chỉ hai mắt hoặc hai tai, hoặc hai mũi. Đó đều là biểu tượng. Bất luận là mắt, mũi, tai, các giác quan này đều ở trên thân thể của ta; do đó đừng dụng công bên ngoài mà phải dụng công ở bên trong. Rằng: "Đạo có đường hữu hình bên ngoài, có đường vô hình bên trong." Đường hữu hình thì trôi lăn sanh tử, đường vô hình thì liễu thoát sanh tử. Ngài Vĩnh Gia Đại Sư sáng tác Chứng Đạo Ca với mục đích chỉ ta đi con đường liễu thoát sanh tử, là con đường tự tánh mà mỗi người chúng ta cần phải tu theo.

Ca là xướng hát. Nơi tác phẩm "Chứng Đạo Ca" ngài không viết theo thể thơ, văn xuôi, phú hoặc từ mà lại theo thể ca, có thể dùng để hát. Hát bài này để làm gì? Để có thể hun đúc tâm tánh, khai phát trí huệ sẵn có. Nếu bạn có căn cơ thì khi nghe lời ca bạn sẽ ngộ đạo; đó là dụng ý của Vĩnh Gia Đại Sư.

Pháp môn Thiền tông vốn rời các tướng ngôn ngữ, vì không có cái gì để nói cả; rời các tướng tâm duyên, dù tâm có nghĩ cũng chẳng nghĩ thấu, rời các tướng văn tự, vì chẳng có văn tự để viết. Đã là như vậy, thì tại sao Vĩnh Gia Đại Sư lại viết bài Chứng Đạo Ca, hoặc giả Ngài không có việc chi làm bèn kiếm việc để làm? Phải chăng là dư thừa? Không phải vậy đâu. Tuy ngài rất am hiểu thiền tông là ra ngoài lời nói, rời tâm duyên lự, không ở văn tự, quét sạch mọi pháp, tách lìa mọi tướng, một pháp không lập, nhưng vẫn cần biểu lộ qua tiếng nói, lời ca để tiếp dẫn người còn mê muội khiến họ thích thú mà thể hội đạo mầu; có thể nói là Ngài ném ra viên gạch để mong lấy vào viên

ngọc. Đó là chỗ dụng tâm kín đáo của Ngài. Do đó Ngài nói điều chẳng cần nói, viết điều chẳng cần viết để khích lệ mọi người phát bồ đề tâm. Đó là dụng ý của Ngài.

Thật ra, khi tu thì ngay cả lời nói cũng chẳng có, sao lại có ca? Đã không có ca thì sao lại có chú giải cho bài ca? Phải chăng là thừa? Song le, vì tôi nhận thấy Ngài Vĩnh Gia đã không nề phiền hà, làm hơn sự đòi hỏi để tiếp dẫn chúng sanh, nên dù tự lượng sức mình ít ỏi, bản thân quá quê mùa, kiến văn hạn hẹp, tôi vẫn xin dùng sự hiểu biết nghèo nàn, làm thêm một việc không đáng là bao, để chú giải một cách đơn giản bài ca này. Đó là động cơ thúc đẩy tôi giảng bài Chứng Đạo Ca của Đại Sư Vĩnh Gia.

Bài ca này hát lên khiến người nghe cảm nhận được mùi vị giác ngộ. Nó rất thuận tai mà cũng rất dễ đọc. Bất luận lớn, nhỏ, trai, gái đều có thể đọc nó dễ dàng. Lần đầu tiên gặp được bài ca này tôi sung sướng đến đổi dù không ngủ mà chẳng cảm thấy buồn ngủ, dù không ăn cơm cũng chẳng biết đói, thậm chí dù không áo quần mặc tôi cũng chẳng màng. Thế rồi hằng ngày tôi ca, đọc, rồi tự nhiên thuộc nằm lòng. Nhưng nghe giảng xong, không biết đại chúng có ai vui sướng giống như tôi chăng? Lúc tôi giảng "Chứng Đạo Ca" tại San Francisco, chẳng mấy ai chú ý như vậy, cũng chẳng mấy ai sung sướng đến bỏ ăn bỏ ngủ. Do đó mới biết căn tánh mỗi người không ai giống ai: có người thích bộ Kinh này, có người thích bộ Kinh nọ; có kẻ cho Kinh này hay, nhưng kẻ khác cho là không hay. Đó đều là quan niệm sai lầm, bởi vì Kinh Phật chẳng có Kinh nào hay mà chẳng có Kinh nào dở. Tất cả pháp do Phật nói đều là đệ nhứt, đều là pháp vô thượng thâm sâu vi diệu mà trăm nghìn kiếp khó gặp đặng.

Nếu bạn dùng cái lòng truy cầu chuyện đời để cầu Phật pháp -- chỉ cần một nửa lòng thành khẩn đó thôi , không cần hết lòng -- thì cũng đủ rồi. Các bạn hãy xem ở đời những người cầu danh cầu lợi: họ cứ ngày ngày tính toán làm sao để có danh, làm sao để thủ lợi, làm sao danh lợi đều đoạt, làm sao để được nổi bật, làm sao lừa kẻ khác tin mình. Những kẻ ấy cầu tiền tài, dâm sắc, danh vọng, ăn uống, hưởng thụ ngủ nghỉ... thứ gì ở đời mà họ ưa thích thì họ tận lực truy cầu đến cực điểm. Cũng vậy, nếu cầu pháp xuất thế gian, nếu trong mọi nơi mọi lúc, dù thức dù ngủ lúc nào cũng nhớ tới nó thì làm sao chẳng thành đạo nghiệp ? Tại sao mình không thành Phật? Chỉ vì ai ai cũng dốc mình hết sức đeo đuổi tiền tài, dâm sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ hưởng thụ, năm thứ dục vọng. Trái lại tu hành thì chẳng mấy ai khẩn thiết, lại thiếu thành khẩn; tuy dù có lễ Phật, tụng Kinh, nghe giảng, nhưng không sao bì được với cái lòng cầu tài, háo sắc, tham danh, ham ăn uống,

ngủ nghỉ của thế gian. Do đó tôi nói chỉ cần một nửa lòng thành như trên dùng để tu hành là đủ rồi. Các bạn suy nghĩ xem, ngoài đời ai ai cũng đi làm việc, chỉ có người ở chùa Vạn Phật thì làm việc chẳng có thù lao gì, họ thật chỉ hoài bảo một tinh thần hy sinh phục vụ cho Phật giáo mà thôi. Người đời mấy ai làm việc mà chẳng mong cầu thù lao? Các bạn hãy tìm xem! nếu có ai cầu pháp xuất thế với lòng thành bằng một nửa lòng truy cầu pháp thế gian thì tấm lòng ấy mình dùng cũng bất tận rồi đó. Do vậy khi thấy những người ở đời như vậy tôi thật đầy cảm xúc.

Thiển Thích nghĩa là hiển bày, giảng giải đạo lý thật dễ hiểu, thật rõ ràng, giúp người đọc dễ thấu suốt. Đồng thời nó không giảng cao siêu, dài dòng, chỉ dùng kiến giải thô thiển, trí huệ nông cạn để giải thích (nào có khác chi dùng ống trúc nhỏ để nhìn lên bầu trời bao la, dùng vỏ sò để đo xem biển sâu cạn).

"Chứng Đạo Ca" là một phương pháp tu hành. Nếu mình dựa vào theo phương pháp này để thấu hiểu và nhận thức, thì có thể chứng đạo. Nếu dựa theo cách phân tách của Thiên Thai Tông về bảy cách đặt tên (thất chủng lập đề), thì tên của tác phẩm này thuộc về cách dùng nhơn và pháp để đặt tên. Vĩnh Gia Đại Sư là nhơn, Chứng Đạo Ca là pháp, hàm ý do pháp mà chứng đạo.

Tại các đại tòng lâm ở Trung-hoa, thường có lệ làm cỗ chay cúng dường, mời đại chúng tất cả thọ trai. Các cư sĩ cũng thường mời nhau tới tiệm đồ chay để thọ trai, nhưng cái đó chẳng phải dùng cỗ chay để cúng Phật và Tăng. Cúng dường tại chùa mới đúng là cúng Phật và Tăng. Tam bảo là phước điền, công đức cúng Phật là chẳng thể nghĩ bàn, cúng Pháp, cúng Tăng cũng như vậy.

Chúng ta học Phật pháp không nên ham ăn, chiều khẩu vị. Trong các đại tòng lâm, món ăn rất là thanh đạm, dầu muối sơ sài, cách nấu nướng đơn giản. Lúc bình thường, chẳng ai cúng dường trai, thì cơm rau đạm bạc, vì kẻ tu hành chẳng cầu mỹ vị, phải tiết chế tham dục về ăn, chỉ khi nào có người cúng dường thì cơm trai mới khác.

Cúng trai có các loại như La-hán trai là phổ thông nhất, so với cơm chay thường thì khá hơn một chút ; có loại gọi là Như-ý trai thì trai chủ còn cúng thêm tiền bạc nữa ; trai chủ tùy tâm phát lòng hoan hỷ, làm cỗ chay cúng dường đại chúng, cùng mọi người kết pháp duyên ; đặc biệt nhất là Thượng đường trai, và ở đây trai chủ thỉnh vị trụ trì đăng đường thuyết pháp. Nghi

thức này được tổ chức vô cùng long trọng tại đại tòng lâm, đòi hỏi hết cả tứ chúng ở đây tham dự. Sau thời thuyết pháp, bài giảng được yết trên bảng yết thị của tòng lâm, treo cả tuần lễ, có khi nửa tháng. Giả dụ ngày ngày có người cúng Thượng đường trai, thì ngày ngày lại đổi yết thị. Trong những dịp này, quang cảnh tòng lâm náo nhiệt, tại đạo tràng chuông trống khua vang, kế đó là thuyết pháp cho trai chủ - hay công đức chủ, nay chỉ nói qua ý nghĩa cho mọi người nghe.

Số là hôm nay ở đây cũng có người cúng trai Thượng đường, theo lẽ chúng phải đông hơn, tăng cũng phải đông, rồi hòa thượng phương trượng phải cầm phất trần, tích trượng, một số pháp khí, rồi mới đăng đường thuyết pháp. Từ trước tới nay, chùa Kim-Luân chưa từng có ai thượng đường thuyết pháp, nên hôm nay sự chuẩn bị không được đầy đủ, không thể nào làm cho đúng nghi thức Thượng đường được. Kỳ sau, nếu lại có vị nào hoan hỷ thỉnh, lúc đó có thể cử hành thật đúng nghi thức.

Đại sư Vĩnh-Gia, bốn tuổi xuất gia, học đủ ba tạng Kinh, Luật, Luận, đối với Thiên-thai giáo thì nghiên cứu sâu rộng. Sư thuộc họ Đái. Có thể nói Sư chưa hề bị nhiễm thế duyên, chưa từng va chạm trong xã hội, nên cốt cách tinh thuần, vô nhiễm, cho nên trong bài ca Sư trước tác, lời lời chân thực, từng chữ bầy ra như châu ngọc, không giống như cách lải nhải chú thích của người ta. Bởi Sư không bị nhiễm, nên lời ca của Sư mới thuần khiết và thanh tịnh như vậy.

'**Chứng Đạo Ca**' vừa sáng sủa lại thâm áo, văn từ cũng không thấy có chỗ nào là khó hiểu, vậy mà ý nghĩa thật là vô cùng ảo diệu, biểu lộ Phật pháp thật là đầy đủ. Trước khi giảng 'Chứng Đạo Ca' ngày 7 tháng 12 năm 1965, tôi có làm 14 câu tụng kệ, phát nguyện dốc một lòng chí thành khẩn thiết để giải thích lời ca của bài này :

Tuyên-Hóa thanh tịnh thân, khẩu, ý
Quy mạng đảnh lễ Phật, Pháp, Tăng
Nãi chí thập phương tam thế Phật
Chư tôn Bồ-tát ma-ha-tát
Tây phương Đông độ lịch đại Tổ
Cổ vãng kim lai Hiền thánh đăng
Duy nguyện tam bảo thùy gia hộ
Khải ngã chánh giác chuyển pháp luân
Kiến văn tinh tấn chứng bất thoái
Đảo giá từ hàng cứu đồng luân

Nhất thiết chúng sanh giai diệt độ
Hoàn ngã bổn lai pháp tánh thân
Cận kiến Uy-âm cổ từ thân.

'Tuyên Hóa thanh tịnh thân khẩu ý': nghiệp của chúng ta đều do thân khẩu ý tạo ra. Thân không thanh tịnh, dễ tạo nghiệp, khẩu và ý không thanh tịnh, dễ tạo nghiệp. Thân nghiệp dễ phạm là giết hại, trộm cắp, và tà dâm (sát, đạo, dâm). Ý nghiệp thì có tham, sân, si, như bình thường chúng ta nghĩ tới chuyện thị phi, nghe chuyện thị phi, làm chuyện thị phi, đó đều thuộc tham, sân, si. Bởi vậy, chỗ có thị phi, tuyệt đối chớ có gần, chuyện tà vạy, tuyệt đối chớ có hỏi, nếu ta hỏi liền bị nghiệp chẳng thanh tịnh lôi cuốn, bởi có câu 'khẩu khai thần khí tán, thiệt động thị phi sanh', nghĩa là mở miệng thì thần khí hao tán, lưỡi động thì thị phi sanh.

Trời đất phú cho ta thân thể, tánh linh, là muốn chúng ta xử dụng một cách chánh đáng, chớ không bảo chúng ta lạm dụng để làm những chuyện phi pháp. Người học Phật là phải hồi quang phản chiếu, ngày ngày xét mình xem mình đã cư xử ra sao, trong đạo có làm cái gì để tranh dành danh lợi, có tranh đua cho nổi bật, có tranh quyền đoạt lợi hay không ? Nếu quả có điều đó thì thật không xứng đáng là tín đồ Phật giáo ; tín đồ Phật giáo là phải khiêm cung, chẳng tranh, chẳng tham, chẳng cầu, chẳng tự tư, chẳng tự lợi, không nói dối, và nếu theo đúng được sáu tông chỉ lớn này, lúc đó mới có thể gọi là tín đồ chân chánh, ý nghiệp mới gọi là thanh tịnh.

Khẩu thì có bốn nghiệp : nói thêu dệt, nói không thật, nói lời ác, nói lưỡi hai chiều.

Nói lời thêu dệt thì đại khái như kể những chuyện trai gái dâm ô, khiến mọi ngườii tưởng đến những chuyện xấu ; hoặc giả nhằm kể những điều tổn hại danh dự của Phật giáo, khiến người khác có ấn tượng xấu về Phật giáo, chẳng hạn như nói theo kiểu này : 'Anh thấy đó ! Hắn tu học mấy năm rồi mà thái độ còn hung hăng như vậy, học Phật cái gì!' Chúng ta ngày ngày tu học Phật pháp, nếu chẳng chịu một phen dụng công phu, chính là có lỗi với Phật pháp, nên phải tự mình trách cứ chính mình, phải trị cho được cái tâm cống cao ngã mạn của mình, cũng như lòng ghen ghét đố kỵ, các loại chứng tật đó. Trong Phật giáo, đây là những chướng ngại rất lớn, giam hãm người tu không vượt được ra ngoài tam giới. Bởi vậy ba nghiệp thân, khẩu, ý là trọng yếu vô cùng.

Nói không thật, hay vọng ngữ, là điều mọi người dễ phạm phải. Nhiều khi nói không đúng sự thật, nói lời dối ngụy mà vô tình không hay biết.

Nói lời ác, là dùng lời thô lỗ mắng người khác, chọn những câu thật tục tĩu khó nghe, hay những lời độc địa, như vậy gọi là ác khẩu.

Nói lưỡi hai chiều, cũng như kẻ mang hai bộ mặt, trước mặt anh A thì nói xấu anh B, trước mặt anh B thì nói xấu anh A, gây mâu thuẫn giữa hai người, làm cho họ xích mích với nhau như nước với lửa, trong khi ấy thì mình đứng ở ngoài bàng quan xem hai bên kình địch nhau, nghiêu cò tranh chấp cho ngư ông thủ lợi.

Bởi vậy, trước khi đi vào phần giảng kinh, tôi cố gắng thanh tịnh mọi tập khí, khiến cho thân được thanh tịnh, khẩu được thanh tịnh, ý được thanh tịnh. Đó là ý của câu : 'Tuyên-hóa thanh tịnh thân khẩu ý'.

'Quy mạng đảnh lễ Phật, Pháp, Tăng': Tôi xin nhất tâm quy mạng Tam bảo: Phật bảo, Pháp bảo, và Tăng bảo.

'Nãi chí thập phương tam thế Phật, quá khứ hiện tại vị lai trung': tức là, chiều rộng trải ra cùng hết mười phương thế giới ; chiều sâu, thì suốt dọc ba đời, đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai, ba đời Phật, tôi thảy đều quy kính.

'Chư tôn Bồ-tát ma-ha-tát': Các vị đại bồ-tát trong hết thảy các bồ-tát, tôi đều hướng tới để quy mạng đảnh lễ.

'Tây phương đông độ lịch đại tổ': Đây là kế thế các đời tổ sư ở Tây-trúc và ở Đông độ.

'Cổ vãng kim lai hiền thánh đăng': Các vị thánh hiền từ xưa đến nay, giống như những ngọn đuốc sáng chiếu rọi.

'Duy nguyện tam bảo thùy gia hộ': Trước khi chú giải 'Chứng đạo ca', tôi xin hết lòng chí thành nguyện cầu tam bảo, vô tận Phật, Pháp, Tăng, thường trú trong ba đời, khắp tận hư không, cùng khắp pháp giới, gia hộ cho tôi đầy đủ trí huệ đặng có thể giảng giải 'Chứng Đạo ca'.

'Khải ngã chánh giác chuyển pháp luân': Khai mở cho tôi có được chánh tri, chánh giác, đặng tôi thấu tỏ đạo lý của 'Chứng Đạo ca'.

'Kiến văn tinh tấn chứng bất thoái': Khiến cho người nào thấy 'Chứng đạo ca', được nghe 'Chứng đạo ca', hoặc thấy 'Vĩnh-Gia Đại sư Chứng Đạo Ca Thiền Thích', liền được dũng mãnh tinh tấn, y pháp mà tu hành, chứng được niệm bất thoái, vị bất thoái, hạnh bất thoái, ba điều bất thoái.

'Đảo giá từ hàng cứu đồng luân': Quay ngược cỗ thuyền từ bi trở về cõi Sa-bà để cứu chúng sanh hữu tình khỏi cảnh khổ nạn.

'Nhất thiết chúng sanh giai diệt độ': Khiến hết thảy chúng sanh đều được diệt độ, lìa khổ được hạnh phúc, chứng được Niết-bàn diệu tâm.

'Hoàn ngã bổn lai pháp tánh thân': Trở về gốc nguồn, khôi phục lại gốc Pháp thân Phật của mình.

'Cận kiến Uy-âm cổ từ thân': Khiến chúng ta, tất cả mọi người được triều bái đức Phật cổ sơ nhất là Phật Uy-âm Vương, người cha từ bi cổ sơ nhất của hết thảy chúng sanh.

Số sau: bắt đầu vào chánh văn của bài ca Chứng Đạo (Chứng Đạo ca).

Quân bất kiến,
Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân
Bất trừ vọng tưởng bất cầu chân
Vô minh thực tánh tức Phật tánh
Huyễn hóa không thân thị pháp thân.

Dịch :

Anh thấy chăng :
Dứt học, vô vi, nhàn đạo nhân,
Không trừ vọng tưởng, chẳng cầu chân ?
Tánh thực vô minh là Phật tánh,
Thân chẳng huyễn hóa tức pháp thân.

Quân bất kiến: Chữ quân chỉ người đối thoại, một lối xưng hô lịch sự, cũng giống như chữ tiên sinh, Trương tiên sinh, Lý tiên sinh. Bất kiến nghĩa là anh có thấy hay không ? Đây là một lời ướm hỏi. Thấy hay không thấy chuyện gì đây?

Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân: Tuyệt học có nghĩa là vô học, tức đạt tới quả vị vô học. Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, và A Na Hàm đều là những quả vị hữu học, tức còn phải tu học. Quả vị thứ tư là A-la-hán, mới là quả vị vô học.

Tuyệt nghĩa là đoạn tuyệt, dứt bỏ con đường học tập. Vì sao dứt bỏ ? Vì đã chứng được trí huệ vô vi, không làm song chẳng có gì không làm. Trông bên ngoài thì người đó không có chuyện gì làm cả, nhưng thực ra ở bên trong ngài đương chuyển bánh xe pháp, giáo hóa chúng sanh. Chẳng qua ngài không chấp trước vào hình tướng, không muốn lưu vết tích khiến người hay biết, không muốn người ca tụng mình. Nhàn đạo nhân: Vì trông bề ngoài thanh nhàn, vô sự, tự tại như nhiên như kẻ chẳng vướng bận việc gì. Nhàn: Là nhàn nhã; tuy ngài nhàn nhã, nhưng là bậc đạt đạo. Đạo: ngài đã đạt đạo, chẳng phải đang tu đạo. Ngài đắc đạo gì?

Đắc pháp môn tâm ấn của chư Phật; pháp môn mà lớn đến độ chẳng gì lớn hơn, nhỏ chẳng gì nhỏ bằng. Vì vậy ngài mới tự tại. Nhàn đạo nhân hàm ý vừa tự tại, vừa vui sướng, gồm đủ hai nghĩa bình an và tịch tĩnh. Nhìn ngài ta thấy ngài dường như vô sự, chẳng vội vàng áy náy, cũng chẳng ưu tư phiền não. Lúc nào cũng khoan thai, ung dung, phiêu nhiên tự tại, thật là :

Đạo thông thiên địa, hữu hình ngoại
Tư nhập phong vân, biến thái trung.

Dịch là:

Đạo thông trời đất, hiện ra mặt,
Trí nhập mây gió, tỏa hành vi.

Đạo thông thiên địa hữu hình ngoại, chính là nghĩa của "lớn đến độ chẳng gì ngoài nó." Tư nhập phong vân biến thái trung, chính là nghĩa của "nhỏ đến độ không gì nhỏ hơn." Cảnh giới này chẳng phải là chỗ mình, những kẻ phàm phu tục tử có thể thấu đặng. Đó là cảnh giới của bậc nhàn đạo nhân. Ý nghĩa này cũng có thể nói lên như sau :

Vạn vật tĩnh quán giai tự đắc
Tứ thời giai hứng dữ nhân đồng.

Vạn vật tĩnh quán giai tự đắc: Nghĩa là ngài nhìn vạn vật rõ ràng, chẳng gì không thấu suốt, cũng chẳng cần suy nghĩ mới hiểu. Tứ thời giai hứng dữ nhân đồng: nghĩa là trong suốt bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, ngài hòa điệu với mọi người, chẳng chút khác biệt; do đó ngài là nhàn đạo nhân.

Bất trừ vọng tưởng bất cầu chân: Bởi một khi ngài đắc đạo, thì còn đâu vọng tưởng để tiêu trừ, cũng sao có cái chân để chứng đắc. Vọng hết, chân hiện, do đó khỏi phải trừ diệt vọng tưởng, chớ không phải còn vọng tưởng mà không chịu khử trừ. Chẳng có chân để cầu chứng đắc, bởi đã chứng đắc tới chỗ cực điểm rồi, nên chẳng còn phải mong cầu cái chân.

Vô minh thực tánh tức Phật tánh : Trước khi chứng đạo thì ngài cũng như mọi người, cũng vô minh, đầy phiền não, nhưng nay thì ngài đã hiển lộ Phật tánh, trở về gốc nguồn, bỏ mê về giác, dứt tuyệt vấn đề căn bản sanh tử. Tánh chân thật của vô minh cũng chính là Phật tánh vậy.

Huyễn hóa không thân thị pháp thân : Trước thì thân thể này là hư huyễn, nay thì chứng đắc được lý thể của pháp thân.

Pháp thân giác liễu vô nhất vật,
Bổn nguyên tự tánh thiên chân Phật.
Ngũ uẩn phù vân không khứ lai,
Tam độc thủy bào hư xuất một.

Dịch :

Pháp thân giác rồi không một vật
Bổn nguồn tự tánh thiên chân Phật.
Năm ấm: mây trôi, chẳng đến đi,
Ba độc: bọt bào, giả còn mất.

Pháp thân giác liễu vô nhất vật: Pháp thân là gì ? Đó là tướng chân thật, song vô hình, vô tướng. Giác nghĩa là sáng tỏ. Vô nhất vật, vì ngài chẳng chấp trước gì cả. Chẳng có cảnh giới nào làm ngài mê muội, nên nói một vật cũng chẳng có.

Bổn nguyên tự tánh thiên chân Phật: Vị này đã chứng được cảnh giới nào ? Đã đạt được trình độ nào ? Chính là đạt được căn bổn, nguồn gốc, tức là Phật tánh. Vì vậy, bổn nguyên tự tánh chính là Phật tánh có sẵn trong ta. Thiên chân Phật, là chỉ Phật bản hữu sẵn có. Do đó, ngài mới là bậc nhàn đạo nhân, dứt học và vô vi.

Ngũ uẩn phù vân không khứ lai: Ngũ uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, còn gọi là ngũ cái, hay ngũ ấm. Tại sao gọi là ngũ uẩn? Uẩn là tích chứa lại. Tại sao gọi là ngũ cái? Bởi vì nó che khuất tự tánh không để cho tự tánh hiển lộ sáng sủa (chữ cái nghĩa là che lấp). Tại sao gọi là ngũ ấm? Bởi nó thuộc âm,

có tính cách ẩn sâu, dấu kín. Sắc là chỉ tất cả những gì có hình; thọ, tức là thọ lãnh; tưởng, nghĩa là suy tưởng; hành, có nghĩa là niệm niệm nối tiếp không ngưng nghỉ, niệm niệm lưu hành; thức, nghĩa là phân biệt, nhận thức rõ. Năm uẩn, sắc, thọ, tưởng, hành, thức này, cái nào cũng che lấp tự tánh của chúng ta, và ánh sáng tự tánh bị che, do đó trí huệ của chúng ta cũng bị lu mờ. Năm loại uẩn đó thật là lợi hại vô cùng, cho nên trong tám loại khổ thì có một khổ thuộc về ngũ ấm (ngũ ấm xí thịnh khổ). Người ta ví nó như ngọn lửa, thiêu đốt con người, đốt chết cả tự tánh. Tuy nhiên, thể tánh của nó là hư huyễn, cho nên nói ngũ ấm phù vân không khứ lai, tức như mây nổi, bay qua bay lại trên không trung, chẳng có thể chất thực.

Ví như năm mầu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen chẳng hạn. Chúng chỉ là những mầu sắc mà không có thực thể, chúng phải dựa vào vật chất để hiện ra từng mầu, còn chính chúng chẳng có gì là thực. Nói cho rõ hơn, ý niệm sắc - trong ngũ uẩn - tự thể là những vi trần, tức là những hạt bụi nhỏ kết hợp lại mà thành. Biết bao nhiêu bụi nhỏ đó tụ tập lại mới có thể hiện ra thành hình tướng để chúng ta trông thấy! Nếu những hạt bụi mà đứng riêng rẽ, chúng ta nhận ra chúng chẳng phải là điều dễ dàng. Năm mầu cùng tụ tập lại, ta thấy được rõ ràng là xanh, vàng, đỏ, trắng, đen; nhưng nếu riêng biệt từng mầu một, ta sẽ không thấy rõ; chỉ một mầu vàng, to cỡ bằng hạt bụi, ta không nhận ra, các mầu khác như đỏ, trắng, đen, đứng riêng biệt thì cũng như vậy. Ngược lại nếu chúng tụ hội với nhau, chúng sẽ hiển hiện rõ; ngũ uẩn cũng đồng một ý nghĩa như vậy.

Thọ, nghĩa là lãnh thọ; bởi có sắc nên mới có sự lãnh thọ; có lãnh thọ, nên mới có tưởng; tưởng, thì mang ý nghĩa nhanh chóng, ví như con ngựa chạy lung tung, vọng tưởng thì đi cùng khắp thiên địa; hành có nghĩa là hành động, là di chuyển; thức, chính là sự phân biệt. Cả năm uẩn này đều chẳng có thực thể, bên trong chẳng có gì là chân thực. Cho nên ngũ uẩn có thể ví như đám mây nổi trôi trên bầu trời, như màn sương, phút chốc tụ lại, phút chốc tan đi, tụ lại thì thành hình, tan đi thì mất dạng, tụ lại thời có, tan đi thời không, ở trong hư không tự do qua lại, muốn nắm bắt lấy cũng không bắt được.

Tam độc thủy bào hư xuất một: Tam độc là tham, sân, si. Ba thứ này gọi là độc, vì chúng đầu độc chúng ta, khiến cho huệ mạng pháp thân bị hôn mê bất tỉnh.

Tham, là lòng tham, lòng tham vô đáy, rất khó hàng phục, nhất là tham tài, tham sắc, tham danh, tham ăn, tham ngủ. Hãy nghĩ lại coi, nếu anh không

tham tài, thì lại tham sắc; anh chẳng tham sắc, thì lại tham danh; Nếu tài, sắc, danh chẳng tham, thì lại vướng phải tánh tham ăn, thích ăn cho ngon; ăn chẳng ham nhưng bỏ ngủ thì chẳng được. Kẻ ham ngủ thì khi ngủ chẳng còn ham thứ gì khác. Giả thử tặng cho y cả triệu đồng, bảo y tỉnh dậy, y vẫn không tin. Cớ sao vậy? Y đương trong cơn mê ngủ! Chẳng phải sự thật, nên y lại ngủ nữa. Bất luận chuyện gì xảy ra cũng không lay nổi người ngủ say. Người tu Phật không nên ngủ nhiều. Thí dụ như bảo tới đạo tràng để lễ Phật, thì lại nói rằng tôi ngủ chưa đủ giấc; bảo lên khóa tụng buổi sáng, thì lại nói mắt tôi không mở được, làm sao có thể tụng kinh? Vậy là ham ngủ, bỏ ngủ không nổi, đó chính là tham.

Sân, do lòng tham ngũ dục không toại nguyện mà sanh ra, hoặc bị người khác tranh của mình mà sanh tâm tức giận.

Si, như người có tâm sân hận, không có gì là không dám làm, nên hành động một cách ngu si. Bởi lý do đó nên tham, sân, si gọi là ba độc.

Ba yếu tố này đã đầu độc huệ mạng pháp thân khiến chúng ta không được giác ngộ. Tuy nhiên, dầu ba độc lợi hại như vậy, chúng cũng chỉ là những bọt nổi trên mặt nước, tự sanh ra rồi tự diệt, nếu chúng ta không để cho chúng lôi cuốn theo, chúng cũng không có cách gì để hại ta được. Chúng chỉ là bọt nước, hiện ra thành hình mà không có thực chất, cũng giống như mây mù che lấp, bởi vậy mới nói ba độc giống như bọt nước hư huyễn, khi còn khi mất, sanh ra rồi diệt.

Chứng thực tướng , vô nhân pháp,
Sát-na diệt khước a-tỳ nghiệp.
Nhược tương vọng ngữ cuống chúng sanh,
Tự chiêu bạt thiệt trần sa kiếp.

Dịch :

Chứng thực tướng, không nhân pháp,
Sát-na rũ sạch a-tỳ nghiệp.
Nếu đem lời vọng dối chúng sanh,
Kiếp như cát bụi nguyền lưỡi rút.

Chứng thực tướng, vô nhân pháp: Khi chứng được bản thể chân lý thì không còn người, không còn pháp, quan niệm về nhân và pháp đều mất; sự chấp trước về pháp phá tan, chấp về người cũng không còn. Chấp về người đã không có, thì các ý niệm về phải trái của người với ta cũng không còn nữa.

Chấp về pháp đã không có thì sẽ không còn nói theo kiểu này: 'Tôi hiểu pháp, ông không hiểu;' những ý tưởng ngạo mạn coi thường mọi người đều không có nữa, do đó mới nói 'vô nhân pháp.'

Sát-na diệt khước a-tỳ nghiệp: Chữ 'nghiệp' đọc cùng một vần với chữ 'pháp' (ở câu trên). Sát-na chỉ một khoảng thời gian rất ngắn. Chỉ trong một sát-na là diệt hết cái nghiệp của địa ngục vô gián. A-tỳ là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Trung-hoa là địa ngục vô gián - một loại địa ngục không có không gian, một người nằm lên giường ngục cũng chật, bao nhiêu người nằm lên cũng chật; còn thời gian thì không gián đoạn, triền miên chịu khổ. Có năm loại địa ngục vô gián, được ghi rõ trong kinh Địa Tạng, mọi người có thể tra cứu. Nói một cách khác, trong khoảng một thời gian hết sức ngắn ngủi mọi tội nghiệp của địa ngục vô gián đều được tiêu trừ. Sợ nói ra như vậy mọi người có thể không tin, cho là bịa đặt nên Ngài Vĩnh-gia mới phát lời thề như sau :

Nhược tương vọng ngữ cuống chúng sanh: Nếu tôi đem những lời dối ngụy để gạt chúng sanh, thì :

Tự chiêu bạt thiệt trần sa kiếp: Tôi xin nguyện gặt quả báo, vào địa ngục rút lưỡi để chịu tội, trải qua các đại kiếp nhiều như số cát trên sông Hằng. Lời tôi nói đây là chân, là thật, chẳng phải lời dối gạt chúng sanh, cho nên các bạn chớ nghi ngờ.

Đại sư Vĩnh-gia biết rằng mình đa nghi thiếu lòng tin nên Ngài mới dùng lời lẽ khẩn thiết, phát lời thệ nguyện nặng sâu để dặn dò, tăng trưởng lòng tin của mình. Các bạn thử nghĩ coi chư tổ từ trước tới nay thường hết lòng quan tâm chúng ta, cũng như tất cả chúng sanh, một lòng mong mỏi mọi người sớm quay về bờ giác. Tấm lòng ân cần như thế, xin các bạn chớ phụ lòng, chớ mãi miết ra đi quên bẵng về nhà. Hiện nay chúng ta đương trôi nổi trong chốn Ta-bà, chẳng phải là quê hương thực sự của mình. Do đó ta nên mau mau trở về quê cũ, làm bạn lữ với chư Phật và Bồ-tát. Hết thảy mười phương chư Phật, Bồ-tát cùng các vị lịch đại tổ sư đều đương chờ đợi mình, chẳng khác gì cha mẹ trông ngóng con cái về nhà.

Ngài Vĩnh-gia bảo chúng ta đừng hoài nghi, nhưng sao trong lòng chúng ta cứ thấy ngờ vực !

Làm sao chứng thực tướng, vô nhân pháp có thể diệt hết cả tội nghiệp từ vô lượng kiếp số nhiều như cát bụi? Làm sao tiêu trừ được hết tội nghiệp tạo ra địa ngục a-tỳ? Quá dễ vậy sao? Có lý nào như thế? Chẳng thể tin nổi!

Chứng được bản thể chân lý thì cũng giống như người vừa tắm gội xong nên những đồ dơ bẩn trong người đều rửa sạch hết. Đồ dơ bẩn coi như nghiệp tội của địa ngục a-tỳ, một khi được rửa sạch thì đâu còn tồn tại. Đó là ý nghĩa mà đại sư Thần-tú nói trong bài kệ:

Thân thị bồ-đề thụ
Tâm như minh kính đài
Thời thời cần phất thức
Vật xử nhạ trần ai.

Nghĩa là:

Thân là cây bồ đề,
Tâm là đài gương sáng,
Ngày ngày chuyên cần lau,
Chớ để vướng bụi trần.

Ý rằng chúng ta phải chùi rửa thì mới sạch sẽ. Đây chưa phải là lời kẻ đã triệt ngộ.

Đức Huệ Năng nói kệ rằng :

Bồ đề bổn vô thọ,
Minh kính diệc phi đài,
Bổn lai vô nhất vật,
Hà xứ nhạ trần ai?

Nghĩa là:

Bồ đề chẳng phải cây,
Gương sáng chẳng phải đài,
Xưa nay (Phật tánh) chẳng là vật,
Bụi bặm (phiền não) bám vào đâu?

Bồ đề chẳng phải cây: Tổ chẳng còn cần cây nữa, vì Ngài đã chứng bồ đề rồi. Gương sáng chẳng phải đài: Tức là Tổ cũng không cần gương sáng để chiếu soi; Xưa nay chẳng là vật : Tức là Ngài đã đến được chỗ chẳng khởi ý niệm, toàn thể chân tâm hiện bày. Bụi bặm bám vào đâu? thì còn có chỗ nào để bụi bám vào? Bụi bặm tức là nghiệp khiến đọa ngục a-tỳ. Tuy nghiệp a-tỳ là không, song chúng ta phải tu mới chứng được, chớ không phải chỉ nghe thoảng, nói suông, là thành. Nhất định bạn phải ngày ngày luôn thực sự tu

tập, hoặc tu thiền, học giáo lý, học giới luật, hoặc chuyên tu một pháp môn nào đó. Nếu không tu, vĩnh viễn chẳng thể chứng đạo. Trên đời này làm sao có chuyện ngồi mát mà hưởng bát vàng, vậy nên tôi mong các bạn chớ nghĩ lăng xăng, bỏ dở đường tu. Tự mình không tu, lầm rằng nửa đường là tới đích, do đó vĩnh viễn chẳng sao lên đặng núi báu (chân tâm).

(Còn tiếp)